

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2008

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	300,017,895,092	300,468,765,251
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	63,520,212,722	74,787,067,669
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	208,270,194,415	180,111,853,322
4	Hàng tồn kho	26,225,762,431	44,483,343,796
5	Tài sản ngắn hạn khác	2,001,725,524	1,086,500,464
II	Tài sản dài hạn	29,047,470,507	47,521,434,756
1	Các khoản phải thu dài hạn	10,000,000	10,000,000
2	Tài sản cố định	28,194,930,507	44,199,386,704
	- Tài sản cố định hữu hình	4,348,474,542	24,586,279,425
	- Tài sản cố định vô hình	144,554,891	0
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23,701,901,074	19,613,107,279
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	600,000,000	3,100,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	242,540,000	212,048,052
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	329,065,365,599	347,990,200,007
IV	Nợ phải trả	275,253,594,334	264,351,697,977
1	Nợ ngắn hạn	270,815,407,019	260,784,594,277
2	Nợ dài hạn	4,438,187,315	3,567,103,700
V	Vốn chủ sở hữu	53,811,771,265	83,638,502,030
1	Vốn chủ sở hữu	50,090,320,770	73,841,125,489
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	23,157,286,227	52,432,886,227
	- Thặng dư vốn cổ phần	0	4,122,208,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	0	0
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	26,933,034,543	17,286,031,262
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	0	0
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	3,721,450,495	9,797,376,541
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	3,721,450,495	9,797,376,541
	- Nguồn kinh phí	0	0

	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	329,065,365,599	347,990,200,007

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	295,695,347,384	415,515,859,619
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	6,414,453	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	295,688,932,931	415,515,859,619
4	Giá vốn hàng bán	199,877,183,431	299,052,655,263
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	95,811,749,500	116,463,204,356
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4,329,043,249	17,756,096,832
7	Chi phí tài chính	2,100,544,724	16,682,324,104
8	Chi phí bán hàng	49,658,909,134	60,297,604,986
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29,509,711,168	30,418,391,058
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18,871,627,723	26,820,981,040
11	Thu nhập khác	449,774,835	12,508,149,350
12	Chi phí khác	169,291,431	8,309,154,343
13	Lợi nhuận khác	280,483,404	4,198,995,007
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19,152,111,127	31,019,976,047
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,681,295,557	4,028,765,010
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16,470,815,570	26,991,211,037
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8,235.41	13,495.61
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước	Năm nay
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	8.83%	13.66%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		91.17%	86.34%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	83.65%	75.97%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		16.35%	24.03%
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.01	0.98
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1.11	1.15
	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		5.01%	7.76%

4	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5.57%	6.50%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		32.88%	36.55%

Ngày tháng.....năm 2009

Giám đốc công ty